

ẢNH HƯỞNG TÍCH CỰC TỪ DỰ ÁN TÍN DỤNG GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM KHU VỰC NÔNG THÔN

Positive impacts of a credit program on job creation in rural areas

Đông Văn Đạt¹

SUMMARY

To evaluate the impacts of the credit program according to Decision 120/HĐBT on job creation in Pho Yen district (Thai Nguyen province) methods of RRA, PRA, and representative household survey were applied. It was shown that by 31 August 2003, the Social Policies Bank Branch of Pho Yen had more than VND 2.3 billion on loan from the National Fund for Job Creation (the 120 Fund for short). More than 2700 labourers were absorbed into some industries. Farmers borrowing money from the Fund invested in silkworm production, handicrafts, etc. and were thus able to earn better incomes from the economic activities. Although the loan from the National Fund for Job Creation was still small, it contributed importantly to creating more jobs and improving incomes for many households in the locality.

Key words: *Credit, loan, silkworm, handicraft, jobs.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sau hơn 11 năm thực hiện Nghị quyết 120/HĐBT, đến nay, huyện Phổ Yên- tỉnh Thái Nguyên đã tiến hành nhiều hoạt động để giải quyết việc làm cho khu vực nông thôn. Đặc biệt, trong thời gian bốn năm gần đây, được sự quan tâm của các cơ quan trong tỉnh, nguồn vốn tín dụng này thực sự đã trở thành nhân tố quan trọng, thu hút thêm gần 3000 lao động trong các ngành. Những ngành nghề phụ truyền thống ở nông thôn được khôi phục (trồng dâu, nuôi tằm) hay mở rộng (nghề đan lát). Bên cạnh đó, nguồn vốn này cũng giúp nhiều hộ nông dân nâng cao thu nhập thông qua sự lựa chọn cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, thay thế cho những cây trồng, vật nuôi truyền thống. Bài viết này tập trung phân tích một số ảnh hưởng tích cực của dự án tín dụng đối với giải quyết việc làm trên địa bàn huyện Phổ Yên, Thái Nguyên.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Sử dụng các phương pháp điều tra nhanh nông thôn (RRA), phương pháp đánh giá có sự tham gia của người dân (PRA), phương pháp điều tra phỏng vấn trực tiếp để thu thập tài liệu. Các xã được lựa chọn để nghiên cứu là Tiên Phong và Đông Cao của huyện Phổ Yên. Tại Tiên Phong, điều tra 32 hộ nông dân có liên quan đến nghề đan lát. Tại Đông Cao, điều tra 31 hộ nông dân có liên quan đến nghề trồng dâu nuôi tằm. Số liệu điều tra từ năm 2000 đến 2003. Việc xử lý, phân tích số liệu được tiến hành trên Microsoft Excel.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Tình hình nguồn vốn tín dụng hỗ trợ giải quyết việc làm

¹ Nghiên cứu sinh khoa Kinh tế NN & PTNT

Trong thời gian năm 2000 đến năm 2002, nguồn vốn để giải quyết việc làm của huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên có biến động theo chiều hướng tăng, trong đó phải kể đến sự quan tâm của tỉnh Thái Nguyên đối với Nghị quyết giải quyết việc làm, thông qua cung cấp tín dụng cho dự án này. Lợi ích xã hội được tạo ra của dự án là rất lớn, do đó, nó được sự quan tâm đáng kể của tỉnh. Ngoài ra, Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên chủ trương phối hợp với Sở Nông nghiệp thực hiện một dự án trồng và cải tạo chè cho vùng chè thuộc các xã Phúc Thuận và Minh Đức, dự án trồng dâu, nuôi tằm ở xã Đông Cao, Trung Thành, dự án mở rộng sản xuất hàng mây tre đan, được triển khai ở xã Tiên Phong.

Xét về cơ cấu nguồn vốn theo thời gian, nguồn vốn tín dụng tập trung chủ yếu vào loại có thời hạn 24 tháng. Cơ cấu của nguồn vốn đạt 59% - 59,79% trong khoảng thời gian năm 2000 - 2001. Với khoảng thời gian dài như vậy, người vay đã đầu tư: chăn nuôi lợn nái, trồng dâu, sản xuất vật liệu xây dựng, cải tạo chè, hộ vay vốn có thời gian thực hiện các chu kỳ sản xuất, có điều kiện để tiết kiệm và có khả năng trả nợ từ nguồn thu và bán sản phẩm được tạo ra trong chu kỳ vay. Mặt khác, đối với các tổ chức có nguồn vốn cho vay, thời gian này được xem là thời gian tương đối an toàn khi cho khách hàng vay với lãi suất thấp. Từ việc đánh giá và nhận định tính hiệu quả khi cho vay vốn, dễ dàng nhận ra rằng, các dự án vay vốn với thời hạn ngắn, đối tượng vay được nguồn này đa số là các hộ nghèo, tiền vay được sử dụng chủ yếu là mua hạt giống, phân bón, công cụ lao động nhỏ, thậm chí có gia đình đã sử dụng tiền vay vào hoạt động chi tiêu sinh hoạt, bảng số 1 cho thấy tỷ trọng nguồn vốn có thời hạn 12 tháng giảm từ 6,98% chỉ còn 5,59%.

Bảng 1. Tình hình biến động nguồn vốn tín dụng giải quyết việc làm

Nguồn tín dụng	Năm 2000		Năm 2001		Năm 2002	
	Số tiền (1000đ)	Cơ cấu (%)	Số tiền (1000đ)	Cơ cấu (%)	Số tiền (1000đ)	Cơ cấu (%)
A. Kỳ hạn 12 tháng	200.000	6,98	357.000	9,43	190.000	5,59
I. Dự án trung ương quản lý	200.000		70.000		70.000	
II. Dự án địa phương quản lý	0		287.000		120.000	
B. Kỳ hạn 24 tháng	1.689.700	59,00	2.262.500	59,79	1.495.65	44,00
I. Dự án trung ương quản lý	978.000		996.500		423.500	
II. Dự án địa phương quản lý	711.700		1.266.000		1.072.150	
C. Kỳ hạn 36 tháng	974.800	34,02	1.164.800	30,78	1.713.400	50,41
I. Dự án do trung ương quản lý	50.000		158.000		158.000	
II. Dự án do địa phương quản lý	924.800		1.006.800		1.555.400	
Tổng cộng	2.864.500	100,00	3.784.300	100,00	3.399.050	100,00

(Nguồn: Báo cáo chi tiết dự án cho vay giải quyết việc làm, Kho bạc huyện Phổ Yên năm 2000, 2001, 2002)

Trái lại, nguồn vốn cho vay với thời hạn 36 tháng lại tăng lên đáng kể. Nếu năm 2000, cơ cấu của nguồn này là 34,02% thì đến năm 2002 đã tăng lên 50,41% trong tổng nguồn vốn được huy động để cho các đối tượng của dự án vay. Nguồn vốn này được đa số các hộ vay sử dụng vào mục đích trồng cây ăn quả và trồng chè.

3.2. Tình hình cho vay của kho bạc huyện Phổ Yên và khả năng tạo việc làm

Kho bạc huyện vừa đảm nhiệm chức năng là đơn vị theo dõi, quản lý nguồn ngân sách cho hoạt động của huyện, đồng thời đơn vị này còn đảm nhiệm cả chức năng cho vay (với nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm). Vì vậy, kho bạc cùng với hệ thống ngân hàng của huyện đã cung cấp nguồn vốn tín dụng quan trọng, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh cho các hộ nông dân địa phương, giải quyết khó khăn phổ biến trong khu vực nông thôn, đó là tình trạng các hộ nông dân thiếu vốn sản xuất, thiếu đất, trong khi đó lao động dư thừa một cách tương đối so với các yếu tố sản xuất khác. Theo quy luật hiệu suất giảm dần, các trở ngại này đã, đang và sẽ làm cho năng suất lao động của khu vực này càng giảm sút. Tuy nhiên, tình hình sẽ có nhiều cải thiện nếu biết bổ sung các yếu tố này một cách hợp lý, đặc biệt là tăng cường vai trò trong công tác cho vay của kho bạc và ngân hàng, nhằm giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập.

Bảng 2. Tình hình dư nợ và thu hút lao động, tạo việc làm từ dự án 120

Năm	Nguồn trung ương quản lý (1000đ)	Nguồn địa phương quản lý(1000đ)	Tổng dư nợ (1000đ)	Lao động được thu hút (lao động)
2000	746.500	1.320.039	2.066.539	2.627
2001	699.500	1.527.365	2.226.865	2.089
2002	555.500	2.152.415	2.707.915	3.187
2003 [*]	460.450	1.896.421	2.356.871	2.680

(Nguồn: Báo cáo chi tiết dự án cho vay giải quyết việc làm, Kho bạc huyện Phổ Yên năm 2000, 2001, 2002;

[*] Báo cáo cho vay hỗ trợ việc làm tháng 8 năm 2003, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên - Phòng giao dịch huyện Phổ Yên)

Từ số liệu bảng 2, dễ dàng nhận thấy mối quan hệ giữa dư nợ của nguồn vốn 120 với số lao động được thu hút của huyện Phổ Yên. Kết quả trong những năm gần đây khá tốt. Tổng dư nợ từ 2.066.539đ năm 2000 tăng lên 2.356.871đ ở năm 2003, tốc độ tăng tổng dư nợ bình quân trong giai đoạn này là 4,68%, trong khi đó số lao động được thu hút tăng từ 2.627 năm 2000 lên 2.680 lao động trong năm 2003, tương đương với tốc độ tăng là 0,67%(đồ thị 1). Sự không tương xứng giữa tốc độ tăng dư nợ và tốc độ tăng lao động được thu hút, chứng tỏ nhu cầu vốn tạo thêm việc làm mới còn đòi hỏi rất nhiều.

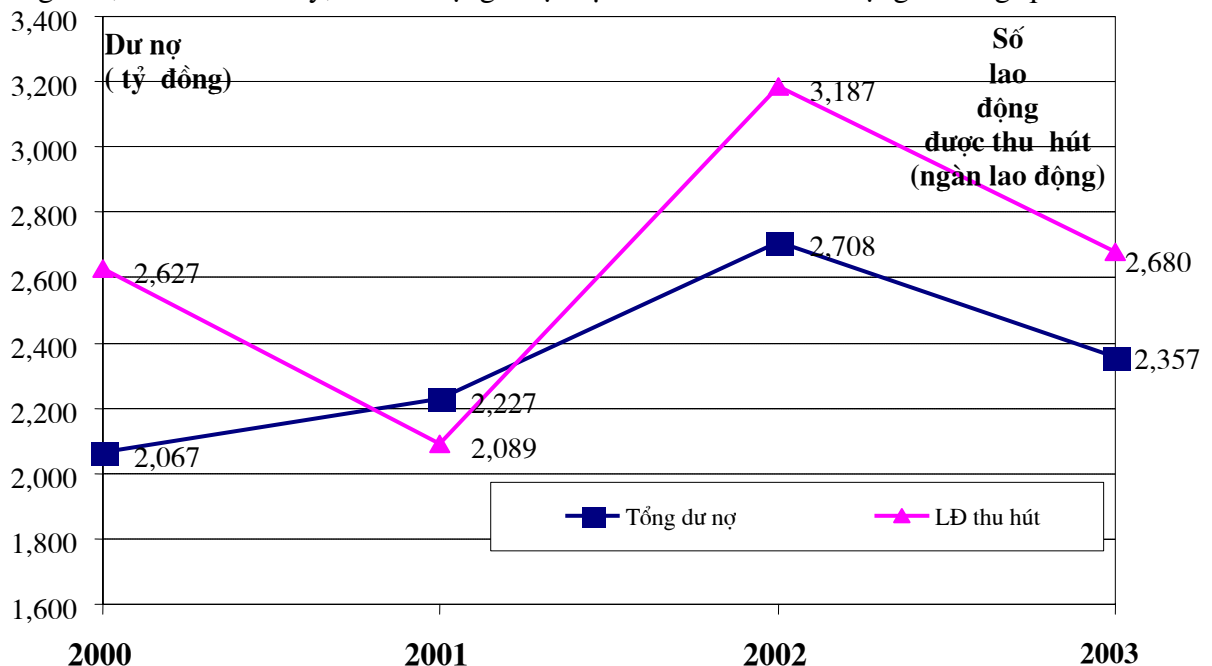
Theo đồ thị 1, giữa xu hướng biến động số lao động được thu hút tăng hay giảm, có quan hệ cùng chiều với sự biến động của tổng dư nợ. Trong năm 2000, với tổng dư nợ đạt 2,067 tỷ đồng, thì số lao động được thu hút là 2.627 lao động. Nếu tính dư nợ trên một lao động được thu hút thì con số này là tương đương với mức 786 ngàn đồng. Nhưng đến các năm 2001 đến năm 2003, số dư nợ là 850 ngàn đồng cho đến 1.065 ngàn đồng để thu hút được thêm một việc làm. Như vậy, các hộ gia đình đã khi vay đã chú ý đầu tư theo chiều sâu, đầu tư vào những hoạt động đòi hỏi nhiều vốn. Trên thực tế, hướng đầu tư của hộ là các ngành sản xuất cần vốn lớn, như trồng cây ăn quả, cải tạo chè... là những đối tượng sản xuất cho sản phẩm dễ tiêu thụ và có giá trị kinh tế cao ở địa phương.

Chấp hành theo chủ trương của Bộ Tài chính, huyện Phổ Yên đã thực hiện công tác cho vay đến các đối tượng thông qua các cán bộ lãnh đạo theo ngành dọc trong huyện cho đến các cán bộ là Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã (Tiên Phong, Đông Cao, Thành Công...); các cán bộ Chủ tịch Hội phụ nữ của địa phương (Thị trấn Bãi Bông, xã Đông Tiến, xã Tiên Phong), một số chủ dự án là các cán bộ trong Hội Cựu chiến binh

trong các xã; một số ít các chủ dự án là tư nhân có quan hệ giao dịch trực tiếp với kho bạc.

Tìm hiểu một xã có hoạt động tích cực tạo ra việc làm bằng việc sử dụng vốn vay, đó là xã Tiên Phong - một xã có nghề đan lát mây tre truyền thống. Năm 1990, xã mới chỉ có 654 hộ, có tổng số lao động làm nghề này là 1.300 lao động và giá trị sản xuất là 163,5 triệu đồng, đến năm 1998 đã có tới 1.004 hộ, với tổng số lao động làm nghề 2.176 lao động, giá trị sản xuất đạt 251 triệu đồng. Tới tháng 10 năm 2002, xã Tiên Phong đã có 1454 hộ với 3.150 lao động tham gia, giá trị sản xuất từ ngành mây tre đan là 4,075 tỷ đồng. Trong năm 2001, dư nợ nguồn vốn giải quyết việc làm của xã Tiên Phong là 499.700 ngàn đồng, số lao động mà nguồn vốn này tạo ra là 466. Do có điều kiện tiếp cận với nguồn vốn giải quyết việc làm, các hộ gia đình trước đây, do thiếu vốn nên nghề đan lát chỉ được coi là ngành phụ, thu nhập thấp, thì đến nay nhiều hộ gia đình không quan niệm là nghề phụ, mà nó trở thành nghề đem lại thu nhập chính, có hộ thu được 6- 7 triệu đồng/năm.

Giá trị sản xuất của ngành này chiếm tới 35,7% trong tổng giá trị sản xuất của địa phương. Với sự đóng góp của ngành đan lát, nó đã thực sự góp phần làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương và giải quyết được việc làm cho lao động nông thôn. Xã Đông cao cũng đã vay 77.100 ngàn đồng cho hộ nông dân xã mình đầu tư cho ngành trồng dâu, với số tiền này, số lao động được tạo thêm là 152 lao động. Thông qua các



Đồ thị 1. Mối quan hệ giữa dư nợ với số lao động được tạo việc làm

cuộc phỏng vấn hộ nông dân vay nguồn vốn này, họ cho biết, ngoài khả năng đáp ứng nhu cầu về vốn, nguồn tín dụng này đã thực sự tạo điều kiện cho họ tận dụng thời gian lao động nhàn rỗi và thu hút thêm lao động vào các ngành mà trước đây họ chưa từng làm.

4. KẾT LUẬN

Thực tế, qua hơn 11 năm thực hiện Nghị quyết 120/ HĐBT, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã có nhiều hoạt động thiết thực nhằm sử dụng tốt nguồn vốn giải quyết việc làm. Tính đến thời điểm 31 tháng 8 năm 2003, tổng dư nợ của nguồn vốn 120 là trên 2,3 tỷ đồng, với số tiền này đã tạo ra việc làm cho gần 2.700 lao động. Nếu tính theo số tiền vốn tối đa đầu tư cho để giải quyết việc làm là 15 triệu đồng/ lao động thì số dư nợ phải tương đương với mức 40500 triệu đồng tức là số tiền này phải cao hơn so với hiện tại tới gần 18 lần, Mặc dù nguồn vốn giải quyết việc làm còn nhỏ, nhưng thực tế, nó đã góp phần quan trọng không những về vấn đề xã hội mà còn giải quyết cả hiệu quả kinh tế. Những hộ gia đình vay được nguồn vốn 120, với việc đầu tư vào cây trồng như dâu tằm, cây ăn quả, hay làm nghề đan lát... thì giá trị ngày công cao hơn 1,5 đến 2 lần so với trồng lúa; nếu so sánh trên cùng loại đất, thì hiệu quả của trồng dâu, nuôi tằm cũng đạt hiệu quả kinh tế cao hơn từ 2 đến 4 lần so với trồng lúa và trồng màu.

Tài liệu tham khảo

Báo cáo chi tiết dự án cho vay giải quyết việc làm (2002), Kho bạc huyện Phổ Yên năm 2000, 2001, 2002.

Báo cáo cho vay hỗ trợ việc làm tháng 8 năm 2003, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên - Phòng giao dịch huyện Phổ Yên,

Báo cáo sơ kết tình hình thực hiện dự án phát triển sản xuất làng nghề xã Tiên Phong (2002), Huyện Phổ Yên tháng 10 năm 2002.